

TẤM ỐP NHÔM NHỰA PHỨC HỢP

ALUMINIUM COMPOSITE PANEL

CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT DŨNG



ALCOREST

ALCOREST BROCHURE

RA MẮT TỪ NĂM 2006, TẤM ỐP NHÔM NHỰA ALCOREST LÀ MỘT TRONG NHỮNG THƯƠNG HIỆU TIÊN PHONG TRONG NGÀNH VẬT LIỆU HOÀN THIỆN. SAU GẦN 20 NĂM PHÁT TRIỂN, ALCOREST ĐÃ CUNG ỨNG HÀNG TRIỆU CÔNG TRÌNH LỚN NHỎ, TRỞ THÀNH LỰA CHỌN HÀNG ĐẦU VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG.



MỤC LỤC

01

GIỚI THIỆU
04 - 05

02

SẢN PHẨM
06 - 07

TẮM ỐP NGOÀI TRỜI
08 - 09

TẮM ỐP CHỐNG CHÁY
10 - 11

TẮM ỐP TRONG NHÀ
12 - 15

03

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU
16 - 21

04

CHỨNG NHẬN /
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
22 - 23

GIỚI THIỆU

/BRAND INTRODUCTION



Alcorest là thương hiệu sản phẩm Tấm ốp nhôm phức hợp của Công ty cổ phần Nhôm Việt Dũng.

Được ra mắt lần đầu tiên vào năm 2006, trải qua **hơn 20 năm hình thành và phát triển**, Alcorest nay đã trở thành lựa chọn hàng đầu của các công trình trên cả nước trong lĩnh vực vật liệu hoàn thiện.

Sản phẩm Alcorest được sản xuất tại 3 nhà máy ở cả hai miền, đáp ứng nhu cầu sản lượng lên hơn 18,000,000m² hàng năm và chiếm hơn 50% thị phần toàn quốc. Không chỉ là người tiên phong, Alcorest luôn không ngừng nghiên cứu đổi mới để dẫn đầu về các xu hướng, tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ,... để kiến tạo nhiều giá trị cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.

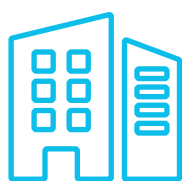
Aluminium composite panel Alcorest was first launched in 2006 by Vietdung Aluminium joint stock company.

With over 20 years of establishment and development, Alcorest has become a top choice in the field of cladding material for numerous projects.

With 3 plants across Vietnam, the annual output demand reach of more than 18,000,000 square meters which accounts for more than 50% of the market share. Beyond being a pioneer, Alcorest is committed to ongoing research and innovation, aiming to create greater value for the customers, community, and society.

NHÔM VIỆT DŨNG TỰ HÀO LÀ NHÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU MẶT DỰNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

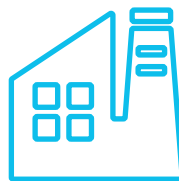
We are proud to be a leading supplier of facade materials in Vietnam



100

Đại lý ủy quyền trên toàn quốc

Authorized sellers in Vietnam



03

Nhà máy trên toàn quốc

Plants in Viet Nam



>50%

Thị phần Tấm ốp nhôm nhựa trên toàn quốc

National market share



18.000.000 m²

Sản lượng ACP/năm

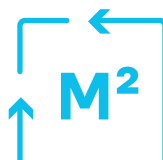
ACP volume per year



500+

Cán bộ, công nhân viên

Officers and employees



50.000 m²

Diện tích sản xuất

Manufacturing area



Vietnam Value

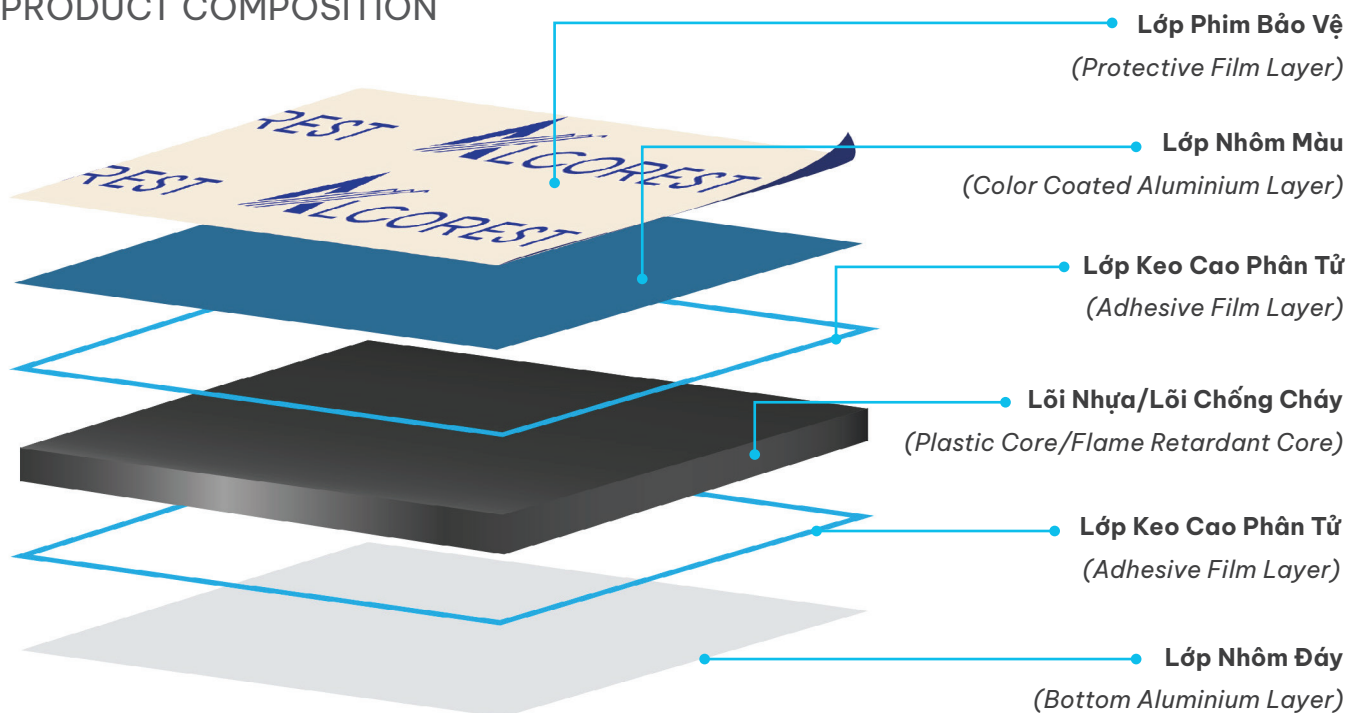
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
2020 - 2022

ALCOREST là thương hiệu **DUY NHẤT TRONG NGÀNH VẬT LIỆU HOÀN THIÊN MẮNG NHÔM** đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2020

Được Thủ tướng Chính phủ biểu dương và đánh giá cao vì những đóng góp tạo nên uy tín quốc gia thông qua các sản phẩm, thương hiệu trong **NHIỀU NĂM LIỀN**.

SẢN PHẨM

/PRODUCT COMPOSITION



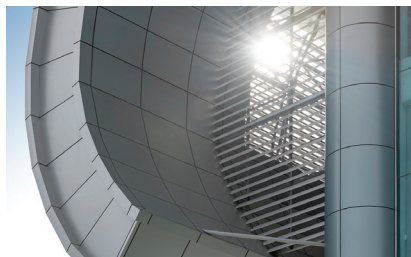
TÍNH NĂNG NỔI TRỘI



KHẢ NĂNG GIA CÔNG

Material workability

Có khả năng gia công, tạo hình linh hoạt, dễ dàng chỉ với các loại máy móc thông thường và không đòi hỏi cao về kỹ thuật.



CỨNG - NHẸ - PHẪNG

Hardness - Lightweight - Flatness

Là loại vật liệu nhẹ so với các vật liệu phổ thông khác như bê tông, thép... mà vẫn đảm bảo độ cứng cáp. Độ phẳng tuyệt đối nhờ công nghệ sản xuất trên dây chuyền cán ép liên tục.



VẬT LIỆU XANH

Green material

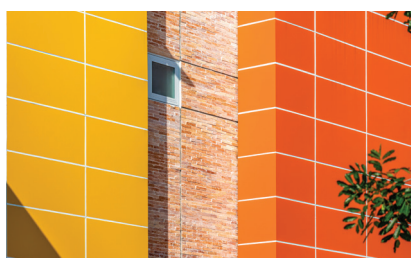
Tấm ốp Alcorest là loại vật liệu thân thiện: Chứa thành phần nguyên vật liệu tái chế, không sử dụng hóa chất độc hại, không gây ô nhiễm môi trường, có khả năng tái chế, tái sử dụng.



CHỐNG THẤM NƯỚC

Water resistant

Bề mặt không bị thấm thấu nước, chống chịu thời tiết ẩm ướt.



ĐỘ BỀN MÀU

Colour retention

Có độ bền màu cao.
Màu sắc sơn phủ đa dạng theo yêu cầu. Tính đồng nhất về màu sắc cao do được sơn phủ đồng bộ và khép kín.



CHỐNG CHÁY

Fire resistant

Tùy theo yêu cầu đặc biệt của công trình, lõi nhựa có thể được cấu tạo từ thành phần nhựa chống cháy, đạt theo tiêu chuẩn chống cháy Châu Âu.

TẮM ỐP NGOÀI TRỜI

/OUTDOOR CLADDING

LỚP NHÔM MÀU

STT	Độ dày nhôm màu (mm)	Dung sai chiều dày (mm)	Ký hiệu mác nhôm	Tiêu chuẩn
1	0.21÷0.50	±0.03	1050; 1070; 1085; 1100; 3003	ASTM B209M; JIS H 4000

LỚP SƠN PVDF/FEVE

STT	Chỉ tiêu	Giá trị cho phép	Phương pháp thử
1	Độ dày lớp sơn	02 lớp sơn ≥ 23μm 03 lớp sơn ≥ 30μm	ASTM E376
2	Sai số độ bóng (góc 60°)	≤ 10 GU	ASTM D523
3	Độ cứng chì (lớp sơn)	≥ HB	ASTM D3363
4	Tính mềm dẻo bề mặt lớp sơn	≤ 2T	ASTM D4145
5	Độ bám dính lớp sơn	Cấp 5B	ASTM D3359
6	Độ chịu va chạm (áp dụng cho độ dày nhôm 0.5mm)	50 kg.cm không tróc sơn, không để lại dấu vết	GB/T 17748
7	Tính chịu mài mòn (L/μm)	≥ 5	ASTM D968
8	Tính chịu nước (trong 24h)	Không thay đổi	ASTM D870

CHỈ TIÊU CƠ LÝ TÍNH CỦA SẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu	3.0x0.21 ; 4.0x0.21 (mm)	4.0x0.30 (mm)	4.0x0.50 (mm)
1	Độ bền uốn (MPa)	≥ 45	≥ 75	≥ 100
2	Mô đun đàn hồi (GPa)	≥ 13	≥ 17	≥ 20
3	Lực chịu xuyên (kN)	≥ 3.5	≥ 5.4	≥ 7.0
4	Lực chịu bóc ở 180° (N/mm)	≥ 4.0	≥ 5.0	≥ 6.0



MÀU SẮC



EV30BIDV



EV30VB1



EV30VB2



EV3001



EV3002



EV3003



EV3005



EV3006



EV3007



EV3008



EV3010



EV3011



EV3012



EV3014



EV3015



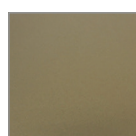
EV3016



EV3017



EV3018



EV3035



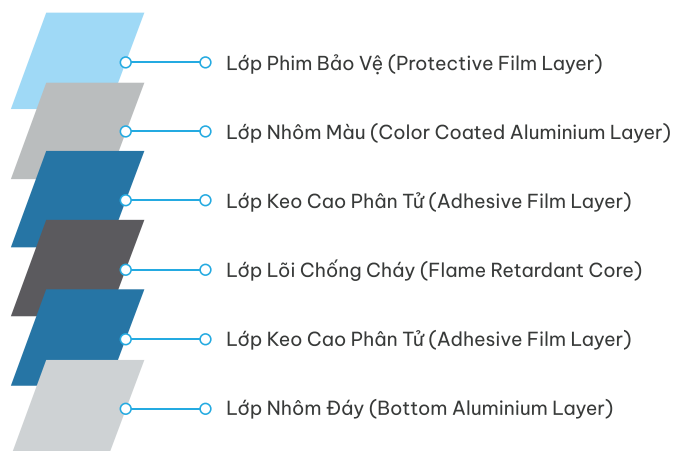
EV3038



EV30PG

TẤM ỐP CHỐNG CHÁY / FIREPROOF CLADDING

CẤU TẠO SẢN PHẨM



LỖI CHỐNG CHÁY

Lõi chống cháy thành phần bao gồm nhựa PE, Magie hidroxide, Nhôm hidroxide và phụ gia chống cháy

LỚP NHÔM MÀU

STT	Độ dày nhôm màu (mm)	Mác nhôm	Lớp sơn
1	0.3, 0.4, 0.5mm	(AA) 3003	PVDF/FEVE

CƠ LÝ TÍNH CỦA SẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu	4.0x0.30 (mm)	4.0x0.50 (mm)
1	Độ bền uốn (MPa)	≥65	≥85
2	Mô đun đàn hồi (GPa)	≥16	≥19
3	Lực chịu xuyên (kN)	≥5.2	≥6.8
4	Lực chịu bóc ở 180° (N/mm)	≥3.5	≥4.2

CHỈ SỐ CHỐNG CHÁY

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả	Quy chuẩn / Tiêu chuẩn
1	Tính lan truyền lửa bề mặt	LT1 - Không lan truyền	Phụ lục B-QCVN 06:2022/BXD
2	Tính bắt cháy của vật liệu	BC1 - Khó bắt cháy	
3	Khả năng sinh khói của vật liệu khi cháy	SK1 - Khả năng sinh khói thấp	
4	Độc tính của sản phẩm khói	ĐT1 - Độc tính thấp	



TẤM ỐP TRONG NHÀ

/INDOOR CLADDING

QUY CÁCH SẢN PHẨM

STT	Kích thước sản phẩm tiêu chuẩn	Độ dày tấm tiêu chuẩn	Độ dày của lớp nhôm màu
1	1220x2440mm	2mm; 3mm; 4mm	0.06 ÷ 0.3mm

LỚP SƠN PET

STT	Chỉ tiêu	Giá trị cho phép	Phương pháp thử
1	Độ dày lớp sơn	≥14 μm với độ dày nhôm ≥0.1mm (trừ gương sơn) ≥12μm với độ dày nhôm <0.1mm ≥8μm với gương sơn	ASTM E376
2	Sai số độ bóng (góc 60°)	≤ 10 GU (không áp dụng hàng gương, bóng)	ASTM D523
3	Độ cứng chì (lớp sơn)	≥ HB	ASTM D3363
4	Tính mềm dẻo bề mặt lớp sơn	≤ 3T	ASTM D4145
5	Độ bám dính lớp sơn	Cấp 5B	ASTM D3359
6	Tính chịu nước (trong 24h)	Không thay đổi	ASTM D870

CƠ LÝ TÍNH CỦA SẢN PHẨM

STT	Tên chỉ tiêu	3.0x0.10 (mm)	3.0x0.15 (mm)	3.0x0.21 (mm)
1	Độ bền uốn (MPa)	≥ 30	≥40	≥ 45
2	Mô đun đàn hồi (GPa)	≥ 7.5	≥ 11	≥ 13
3	Lực chịu xuyên (kN)	≥ 2.3	≥ 2.7	≥ 3.5
4	Lực chịu bóc ở 180° (N/mm)	≥ 2.2	≥ 3.0	≥ 4.0
5	Nhiệt độ làm biến dạng tấm (°C)	≥ 55	≥ 60	≥ 70



**Màu phổ thông
/Solid colours**



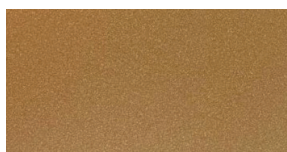
EV2001



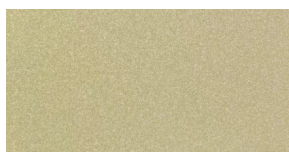
EV2002



EV2003



EV2004



EV2005



EV2006



EV2007



EV2008



EV2009



EV2010



EV2011



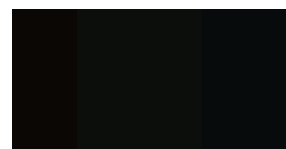
EV2012



EV2014



EV2015



EV2016



EV2017



EV2018



EV2019



EV2020



EV2022



EV2031



EV2038

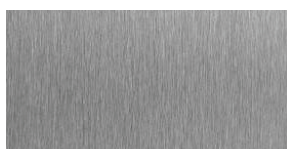


EV20AG

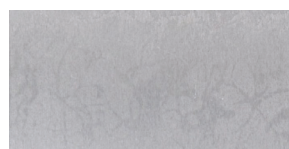


EV20BIDV

**Màu xước /
Brushed textures**



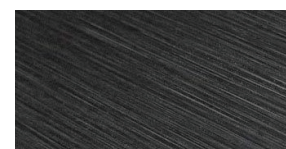
EV2013



EV2023

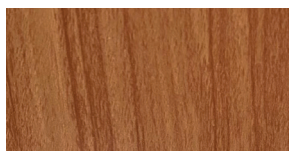


EV2026

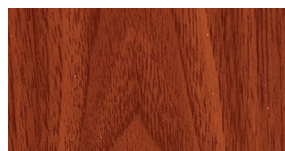


EV2033

Màu vân gỗ / Wooden finishes



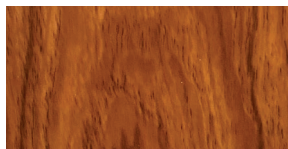
EV2025



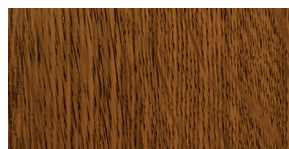
EV2028



EV2040



EV2041

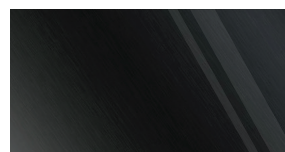


EV2044

Màu gương / Mirror



EV2032



EV2034



EV2039

Màu bóng / Glossy finishes



GV2003



GV2002



GV2007



GV2008



GV2010



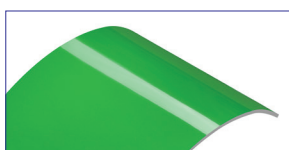
GV2011



GV2012



GV2016



GV2018



GV2019



GV2022



GV2038



GV2042



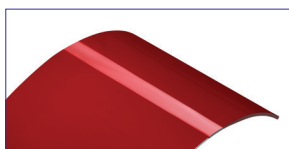
GV2043



GV2045



GV2046



GV2047

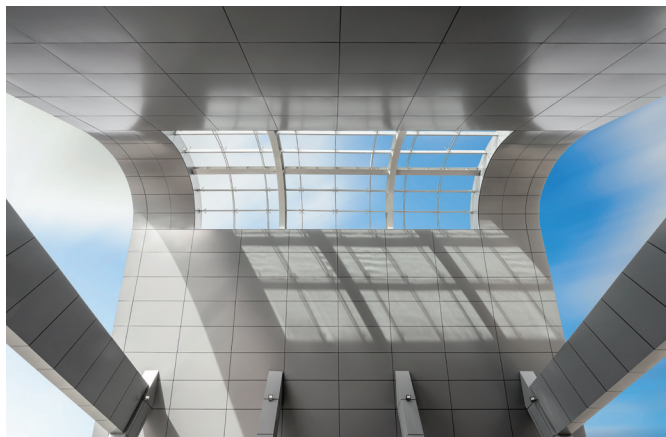


GV20VB2

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

/OUTSTANDING PROJECTS





Nhà ga Bến tàu khách Côn Đảo
 Khối lượng: 4000m²

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

/OUTSTANDING PROJECTS

1.The River Thủ Thiêm

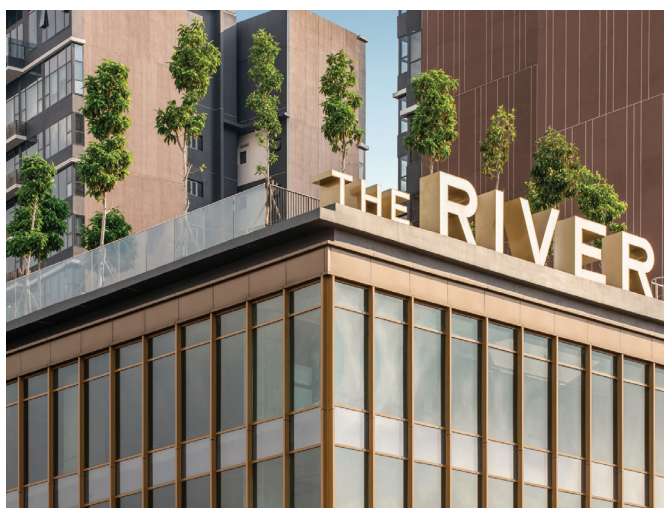
Thành phố Hồ Chí Minh

Khối lượng: 3000m²

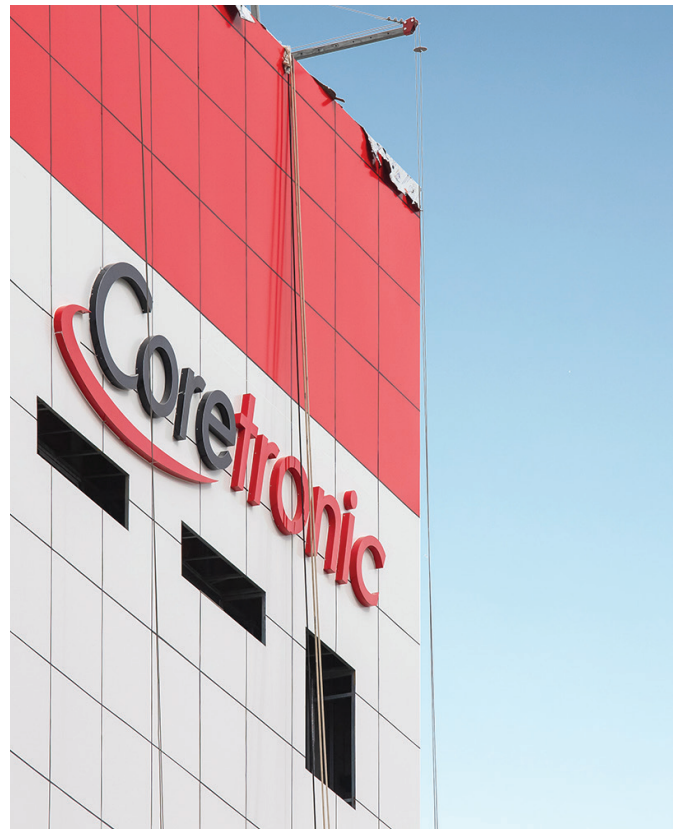
2.Nhà máy Coretronic

Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu

Khối lượng: 5000m²



2



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

/OUTSTANDING PROJECTS

1. Tòa nhà Becamex Bình Dương
Thành phố mới, Bình Dương

2. Trung tâm hội nghị tỉnh Vĩnh Long
Thành phố Vĩnh Long

3. The Sóng Vũng tàu
Thành phố Vũng Tàu

4. Trường mầm non An Lập
Dầu Tiếng, Bình Dương





CHỨNG NHẬN - GIẢI THƯỞNG

/AWARDS AND CERTIFICATES

2020 - 2022

THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA



2023

TOP 10 TIN DÙNG
VIỆT NAM



2023

TOP 10 TIN DÙNG
VIỆT NAM



2022 - 2023

CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH
TĂNG TRƯỞNG XANH



2021

TOP 100 THƯƠNG HIỆU
MẠNH VIỆT NAM



2019

TOP 30 THƯƠNG HIỆU
HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



2013-2015-2018-2021

GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG
ĐẤT VIỆT



2017

DOANH NGHIỆP
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



2017

TOP 50 NHÃN HIỆU
NỔI TIẾNG VIỆT NAM



2017

THƯƠNG HIỆU
MẠNH VIỆT NAM



Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 * Fax: 024 38361199
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 * Fax: 024 32191001

Số/No: 2021/1438/TNI Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / Sample: **TẤM ỐP ALCOREST EV3017 x 4mm x 0,3**

TÊN CÔNG TRÌNH: VINHOMES GRAND PARK QUẬN 9, TP HCM

2. Khách hàng / Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT ĐỒNG**

3. Số lượng mẫu / Quantity: **01 bộ**

4. Tình trạng mẫu / Observation: **Xem ảnh kèm theo**

5. Ngày nhận mẫu / Reception date: **02/7/2021**

6. Thời gian thử nghiệm / Test duration: **05 + 06/7/2021**

7. Kết quả thử nghiệm / Result of testing: **Xem trang 2**

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material testing Lab.

Hà Nội, ngày 06/7/2021
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

Nguyễn Văn Minh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

TNBM.05.3 Lần ban hành: 03/2019

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 * Fax: 024 38361199
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 * Fax: 024 32191001

Số/No: 2021/1438/TNI Trang/Page: 4/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / Sample: **TẤM ỐP NHÔM NHỰA PHỨC HỢP ALCOREST 3mmx0,21 PVDF**

2. Khách hàng / Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT ĐỒNG**

3. Số lượng mẫu / Quantity: **01**

4. Tình trạng mẫu / Observation: **Xem ảnh kèm theo**

5. Ngày nhận mẫu / Reception date: **09/06/2020**

6. Thời gian thử nghiệm / Time of testing: **13 + 14/06/2020**

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test methods	KẾT QUẢ Results
1	Lớp phủ - Coating layer: • Chiều dày lớp phủ mặt ngoài, • Chiều dày lớp phủ mặt trong,	ASTM E376-17	27,4 12,3
2	Độ bền uốn - Bending strength:	GB/T 17748-2008	60
3	Môđun đàn hồi uốn - Bending elastic modulus:	MPa	2,3x10 ⁴
4	Lực chịu bóc 180° - 180° peel strength:	N/mm	4,5
5	Lực chịu xuyên - Penetrating resistance:	kN	4,85
6	Độ bền cắt - Shearing strength:	MPa	20,25

Hà Nội, ngày 16/06/2020
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM 1
Head of LAB 1

Nguyễn Văn Minh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Quatest 1 TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Quality Assurance and Testing Center 1

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt,
Cầu Giấy - Hà Nội
Tel: 024 38361399 * Fax: 024 38361199
Web: www.quatest1.com.vn
Cơ sở 2: Khu CN Nam Thăng Long,
Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Tel: 024 32191002 * Fax: 024 32191001

Số/No: 2021/1438/TNI Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / Sample: **TẤM ỐP NHÔM NHỰA PHỨC HỢP ALCOREST EV2017x4,0x0,18mm**

2. Khách hàng / Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT ĐỒNG**

3. Số lượng mẫu / Quantity: **01**

4. Tình trạng mẫu / Observation: **Hình ảnh kèm theo**

5. Ngày nhận mẫu / Reception date: **28/7/2021**

6. Thời gian thử nghiệm / Time of testing: **29/7/2021**

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test methods	KẾT QUẢ Results
1	Chiều dày lớp sơn - Coating thickness,	µm	15,0

Bề mặt thí nghiệm

Hà Nội, ngày 29/7/2021
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Lab.

Nguyễn Văn Minh

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

TNBM.05.3 Lần ban hành: 03/2019

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN CHUYÊN NGÀNH CƠ KHÍ TỰ ĐỘNG HÓA ĐO LƯỜNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VẬT TƯ THIẾT BỊ CẦU ĐƯỜNG QUỐC GIA
Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Tel: 024.37664248/ Fax: 024.37663942/ Hotline: 0989.144.450/ Email: vltas276@gmail.com

Số: 1711/2006/BC-VLHD Hà Nội, ngày 26/11/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Report of test results)

VẬT LIỆU ĐÀN HỒI - TÍNH CHẤT CƠ LÝ
(Elastic material - Mechanical property)

STT	Chi tiêu thử nghiệm/ Target for test	Đơn vị/ Unit	Kết quả đo thực tế/ Result of actual measurement	Yêu cầu kỹ thuật/ Requirement
1	Kích thước (Dài x Rộng x Dày)	mm	2441,0x1221,0x4,16	2440,0 (+3) 1220,0 (+2) 4,0 (+0,2)
2	Chiều dày lớp nhôm	mm	0,51	≥ 0,5
3	Tính mềm dẻo của lớp sơn	-	Đạt OT	-
4	Tính bền va đập	kg.cm	70,0	≥ 50
5	- Mẫu uốn dẹt dẹt 50x200(mm) - Mẫu uốn nằm ngang 200x50(mm)	MPa	109,5 103,6	≥ 100
6	Lực cản đâm xuyên	kN	9,82	≥ 7,0
7	Độ bền cắt	MPa	31,3	≥ 20,0
8	Cường độ bóc tách (Trung bình / Nhỏ nhất) - Mẫu bóc tách dẹt dẹt 25x350(mm) - Mẫu bóc tách nằm ngang 350x25(mm)	N.mm/mm	192,0 / 172,8 185,6 / 160,0	≥ 130,0 / ≥ 120,0
9	Tính bền với sự thay đổi nhiệt độ (Tỷ lệ thay đổi cường độ bóc tách) (-40±2°C/2h → (80±2°C/2h trong 50 chu kỳ	%	3,2	≤ 10,0

Kết luận/Conclusion: Mẫu thử nghiệm đạt yêu cầu theo Tiêu chuẩn đánh giá/ Sample meet Standard specification.

TVGS
Consultant

Nhà thầu
Contractor

Chủ đầu tư
Owner

Người kiểm tra
Test by

Phòng thí nghiệm
Laboratory

Viện chuyên ngành
Cơ khí Tự động hóa Đo lường

TP. Bình Trưng Tây

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng

CHỈ DẪN:
- Mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp/ Sample and sample's information provided by client
- Kết quả chỉ có giá trị nghiệm thu/ The result is only valid on the sample
- Không được sao chép lại ngoài biên bản này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN/ Test certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Lab.

BM03/10 Lần ban hành/sửa đổi: 02/00 Ngày ban hành/sửa đổi: 30/09/11/

TẤM ỐP NHÔM NHỰA PHỨC HỢP



Sản phẩm của CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM VIỆT DŨNG



www.vietdung.com.vn
alcorest@vietdung.com.vn

Trụ sở: Tòa nhà 2D, Số 1 ngõ 43 phố Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Hà Nội

Nhà máy 1: Lô 10B – KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, Hà Nội

Nhà máy 2: Lô 18 – KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, Hà Nội

Nhà máy Việt Dũng Sài Gòn: Lô C4-7 KCN Tân Phú Trung, Xã Củ Chi, TP Hồ Chí Minh